TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/04/2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh
Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quí – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 27/04/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2017/TLST – HNGĐ ngày 13/12/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST – HNGĐ ngày 11/04/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Đào Thanh L, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn Kim L1, xã Tịnh C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
2. *Bị đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn Kim L1, xã Tịnh C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Xóm K Th, thôn Mỹ L2, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/12/2017, bản tự khai ngày 13/12/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Đào Thanh L trình bày: Anh với chị Phạm Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu với nhau và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết tại UBND xã Tịnh C vào ngày 25/8/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, khác biệt với nhau về quan điểm sống, chị T là người thường hay hỗn láo với cha mẹ chồng, không tôn trọng cha mẹ chồng, thường xuyên tìm cớ gây sự chửi anh L. Nhiều lần anh L bỏ qua và khuyên bảo để chị T thay đổi, nhưng chị T vẫn chứng nào tật ấy, không chịu thay đổi mà ngày càng chửi anh L nhiều hơn hơn, đến tháng 12/2017 chị T tự ý ôm con bỏ về cha, mẹ chị T ở cho đến nay.

Vì vậy, nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Đào Anh V, sinh ngày 25/11/2016, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi chúa Đào Anh V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến tòa để trình bày và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu quan điểm.

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Từ khi thụ lý cho đến trước khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 48, 97, 196, 208, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/02/2018).

II. Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Thanh L được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Anh V, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi cháu Đào Anh V đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Thanh L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Thanh L và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh C, thành phố Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, khác biệt với nhau về quan điểm sống, chị T là người thường hay hỗn láo với cha mẹ chồng, không tôn trọng cha mẹ chồng, thường xuyên tìm cớ gây sự chửi anh L. Nhiều lần anh L bỏ qua và khuyên bảo để chị T thay đổi, nhưng chị T vẫn chứng nào tật ấy, không chịu thay đổi mà ngày càng chửi anh L nhiều hơn. Đến tháng 12/2017, chị T tự ý ôm con bỏ về cha, mẹ chị T ở cho đến nay, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh L xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung là Đào Anh V, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng, hơn nữa cháu V hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, nên khi ly hôn anh L đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi cháu Đào Anh V đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đào Thanh L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Thanh L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đào Thanh L đối với chị Phạm Thị T. Anh L được ly hôn chị Phạm Thị T

[2] Về con chung: Giao cho chị Phạm Thi T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đào Anh V, sinh ngày 25/11/2016; anh Đào Thanh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày 01/6/2018 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Thanh L phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2016/0001885 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Th L phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;